

Số: 59/QĐ-ĐHVTT-KT&KĐCL

Hậu Giang, ngày 11 tháng 03 năm 2014

### **QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc Ban hành Quy chế tổ chức kiểm tra và đánh giá học phần áp dụng cho sinh viên được đào tạo theo hệ thống tín chỉ thuộc Trường Đại học Võ Trường Toản**

#### **HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĨ TRƯỜNG TOẢN**

Căn cứ Quyết định số 196/QĐ-TTg ngày 18 tháng 02 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Võ Trường Toản;

Căn cứ vào Quy chế tổ chức và hoạt động của trường đại học tư thục ban hành kèm theo Quyết định số 61/2009/QĐ-TTg ngày 17 tháng 4 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ vào Quyết định số 63/2011/QĐ- TTg ngày 10 tháng 11 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ Về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế tổ chức và hoạt động của trường đại học tư thục ban hành kèm theo Quyết định số 61/2009/QĐ-TTg ngày 17 tháng 4 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ vào Quyền hạn và trách nhiệm của Hiệu Trưởng quy định tại Điều 36 Điều lệ trường Đại học ban hành theo Quyết định số 58/2010/QĐ-TTg ngày 22 tháng 9 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ vào Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Võ Trường Toản;

Xét đề nghị của Giám đốc Trung tâm Khảo thí và Kiểm định chất lượng;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành “**Quy chế tổ chức kiểm tra và đánh giá học phần áp dụng cho sinh viên được đào tạo theo hệ thống tín chỉ thuộc Trường Đại học Võ Trường Toản**” kèm theo quyết định này.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Giám đốc Trung tâm Khảo thí và Kiểm định chất lượng, các đơn vị liên quan và toàn thể sinh viên Trường Đại học Võ Trường Toản chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- TT Khảo thí & KĐCL;
- Lưu: VT, TCHC.

**HIỆU TRƯỞNG**

*(Đã ký)*

**Dương Đăng Khoa**

*Hậu Giang, ngày 11 tháng 03 năm 2014*

## **QUY CHẾ**

**Tổ chức kiểm tra và đánh giá học phần áp dụng cho sinh viên được đào tạo theo hệ thống tín chỉ thuộc Trường Đại học Võ Trường Toản**  
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 59/QĐ-ĐHVTT-TC ngày 11/03/2014 của Hiệu trưởng Trường Đại học Võ Trường Toản)*

### **Chương 1**

#### **NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

##### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Quy chế này điều chỉnh các mối quan hệ phát sinh trong công tác tổ chức kiểm tra và đánh giá học phần được đào tạo theo hệ thống tín chỉ.
2. Quy chế này áp dụng đối với sinh viên các khóa đào tạo, các hệ đào tạo, các trình độ do Trường Đại học Võ Trường Toản đào tạo theo hệ thống tín chỉ.

### **Chương 2**

#### **KIỂM TRA, THI HOẶC ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN**

##### **Điều 2. Điều kiện dự thi**

Sinh viên được dự thi hoặc đánh giá kết thúc học phần nếu không rơi vào một trong các trường hợp sau:

1. Sinh viên vắng quá 20% số tiết quy định cho mỗi học phần lý thuyết hoặc có cả lý thuyết và thực hành thi không được dự thi hoặc dự đánh giá kết thúc học phần đó. Sinh viên đảm bảo 100% số tiết quy định cho mỗi học phần thực hành thi được dự đánh giá kết thúc học phần đó.
2. Sinh viên nằm trong danh sách bị cấm thi tất cả các học phần của học kỳ do không đóng học phí hoặc đóng học phí không đúng hạn.
3. Sinh viên nằm trong danh sách đề nghị cấm dự thi kết thúc học phần hoặc cấm dự đánh giá kết thúc học phần do giảng viên giảng dạy học phần đề xuất về trung tâm Khảo thí và Kiểm định chất lượng.
4. Sinh viên vi phạm nội quy, quy chế học vụ và các quy định khác sẽ bị cấm thi theo quy định.

Sinh viên bị cấm thi học phần hoặc cấm dự đánh giá kết thúc học phần thì điểm đánh giá học phần đó sẽ là 0 điểm.

##### **Điều 3. Đánh giá học phần**

1. Đối với các học phần chỉ có lý thuyết hoặc có cả lý thuyết và thực hành: Tùy theo tính chất của học phần, điểm tổng hợp đánh giá học phần (sau đây gọi tắt là điểm học phần) được tính căn cứ vào một phần hoặc tất cả các điểm đánh giá bộ phận, bao gồm: điểm kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập; điểm đánh giá nhận thức và thái độ tham gia thảo luận; điểm đánh giá phần thực hành; điểm chuyên cần; điểm thi giữa học phần; điểm tiểu luận và điểm thi kết thúc học phần, trong đó điểm thi kết thúc học phần là bắt buộc cho mọi trường hợp và có trọng số không dưới 50% điểm học phần (riêng điểm thi kết thúc học phần học phần ngoại ngữ có trọng số không dưới 60% điểm học phần).

Việc lựa chọn các hình thức đánh giá bộ phận và trọng số của các điểm đánh giá bộ phận, cũng như cách tính điểm tổng hợp đánh giá học phần do giảng viên đề xuất thông qua Ban chủ nhiệm khoa, Trung tâm Khảo thí và Kiểm định chất lượng, được Hiệu trưởng phê duyệt và phải được quy định trong đề cương chi tiết của học phần.

2. Đối với các học phần thực hành: Sinh viên phải tham dự đầy đủ tất cả các bài thực hành. Trung bình cộng của điểm các bài thực hành trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân có trọng số 20% điểm số của học phần thực hành. Điểm bài đánh giá tổng quát cuối học phần có trọng số 80% điểm đánh giá học phần thực hành. Bài đánh giá tổng quát cuối học phần thực hành chỉ được tổ chức 1 lần duy nhất sau khi kết thúc học phần.

#### **Điều 4. Tổ chức kỳ thi kết thúc học phần**

1. Cuối mỗi học kỳ, trường tổ chức một kỳ thi để thi kết thúc học phần. Lịch thi kết thúc học phần được thông báo tới tất cả sinh viên thuộc danh sách thi chậm nhất 10 ngày trước ngày thi chính thức.

2. Thời gian dành cho ôn thi mỗi học phần tỷ lệ thuận với số tín chỉ của học phần đó, do Hiệu trưởng quy định cụ thể thời gian dành cho ôn thi và thời gian thi cho các kỳ thi đảm bảo theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

#### **Điều 5. Đề thi, hình thức thi, chấm thi và số lần được dự thi kết thúc học phần**

1. Đề thi kết thúc học phần phải phù hợp với nội dung học phần đã quy định trong đề cương chi tiết của học phần. Việc ra đề thi hoặc lấy từ ngân hàng đề thi được thực hiện theo quy định của Hiệu trưởng.

2. Hình thức thi kết thúc học phần có thể là thi viết (trắc nghiệm hoặc tự luận), vấn đáp, viết tiểu luận, làm bài tập lớn, hoặc kết hợp giữa các hình thức trên.

3. Việc chấm thi kết thúc các học phần chỉ có lý thuyết và việc chấm tiểu luận, bài tập lớn phải do hai giảng viên đảm nhiệm.

4. Thi vấn đáp kết thúc học phần phải do hai giảng viên thực hiện. Điểm thi vấn đáp được công bố công khai sau mỗi buổi thi. Trong trường hợp hai giảng viên chấm thi không thống nhất được điểm chấm thi các giảng viên chấm thi trình trưởng bộ môn hoặc trưởng khoa quyết định.

5. Sinh viên vắng mặt trong kỳ thi kết thúc học phần, nếu không có lý do chính đáng coi như đã dự thi và phải nhận điểm 0 (không).

6. Vì các lý do bất khả kháng, sinh viên vắng mặt ở kỳ thi kết thúc học phần hoặc kỳ đánh giá kết thúc học phần được tổ chức vào cuối học kỳ chính, nếu được giám đốc trung tâm Khảo thí và Kiểm định chất lượng cho phép, sinh viên được dự thi ở kỳ thi kết thúc học phần hoặc kỳ đánh giá kết thúc học phần dành cho học phần có cùng mã học phần và nội dung đề cương chi tiết với học phần sinh viên đã vắng mặt trong kỳ thi được tổ chức trước đó.

7. Sau khi tổng hợp điểm học phần, trung tâm Khảo thí và Kiểm định chất lượng thực hiện việc trừ điểm đối với các sinh viên vi phạm các hình thức kỷ luật.

8. Điểm thi được công bố chậm nhất 20 ngày kể từ ngày thi.

9. Sinh viên được quyền làm đơn xin phúc khảo về điểm đánh giá học phần đối với những môn thi viết tự luận, trắc nghiệm, chuyên đề, bài thu hoạch. Thời gian xin phúc khảo trong vòng 7 ngày kể từ ngày công bố kết quả đánh giá kết thúc học phần. Trung tâm Khảo thí và Kiểm định chất lượng có nghĩa vụ trả lời cho sinh viên chậm nhất là 10 ngày kể từ ngày hết hạn nhận đơn xin phúc khảo. Thí sinh nộp đơn xin phúc khảo phải nộp lệ phí theo quy định của trường.

#### **Điều 6. Cách tính điểm đánh giá bộ phận, điểm học phần**

1. Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần hoặc điểm đánh giá kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

2. Điểm học phần là tổng điểm của tất cả các điểm đánh giá bộ phận của học phần nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được chuyển thành điểm chữ như sau:

a) Loại đạt:

A (8,5 - 10) Giỏi

B (7,0 - 8,4) Khá

C (5,5 - 6,9) Trung bình

D (4,0 - 5,4) Trung bình yếu

b) Loại không đạt: F (dưới 4,0) Kém

c) Đối với những học phần chưa đủ cơ sở để đưa vào tính điểm trung bình chung học kỳ, khi xếp mức đánh giá được sử dụng các kí hiệu sau:

I Chưa đủ dữ liệu đánh giá.

X Chưa nhận được kết quả thi hoặc kết quả đánh giá cuối học phần.

d) Đối với những học phần được nhà trường cho phép chuyển điểm, khi xếp mức đánh giá được sử dụng kí hiệu R viết kèm với kết quả.

3. Việc xếp loại các mức điểm A, B, C, D, F được áp dụng cho các trường hợp sau đây:

a) Đối với những học phần mà sinh viên đã có đủ điểm đánh giá bộ phận, kể cả trường hợp bỏ học, bỏ kiểm tra hoặc bỏ thi không có lý do phải nhận điểm 0 (không);

b) Chuyển đổi từ mức điểm I qua, sau khi đã có các kết quả đánh giá bộ phận mà trước đó sinh viên được giảng viên cho phép nợ;

c) Chuyển đổi từ các trường hợp X qua.

4. Việc xếp loại ở mức điểm F ngoài những trường hợp như đã nêu ở khoản 3 Điều này, còn áp dụng cho trường hợp sinh viên vi phạm nội quy, quy định, có quyết định phải nhận mức điểm F.

5. Việc xếp loại theo mức điểm I được áp dụng cho các trường hợp sau đây:

a) Trong thời gian học hoặc trong thời gian thi kết thúc học kỳ hoặc trong thời gian đánh giá kết thúc học phần, sinh viên bị ốm hoặc tai nạn không thể dự kiểm tra hoặc thi, nhưng phải được giám đốc Trung tâm Khảo thí và Kiểm định chất lượng cho phép;

b) Sinh viên không thể dự kiểm tra bộ phận hoặc thi vì những lý do khách quan, được giám đốc Trung tâm Khảo thí và Kiểm định chất lượng chấp thuận.

Trừ các trường hợp đặc biệt do Hiệu trưởng quy định, trước khi bắt đầu học kỳ mới kế tiếp, sinh viên nhận mức điểm I phải trả xong các nội dung kiểm tra bộ phận còn nợ để được chuyển điểm. Trường hợp sinh viên chưa trả nợ và chưa chuyển điểm nhưng không rơi vào trường hợp bị buộc thôi học thì vẫn được học tiếp ở các học kỳ kế tiếp.

6. Việc xếp loại theo mức điểm X được áp dụng đối với những học phần mà trung tâm Khảo thí và Kiểm định chất lượng của trường chưa nhận được báo cáo kết quả học tập của sinh viên từ giảng viên hoặc khoa chuyển lên.

7. Kí hiệu R được áp dụng cho các trường hợp sau:

a) Điểm học phần được đánh giá ở các mức điểm A, B, C, D trong đợt đánh giá đầu học kỳ (nếu có) đối với một số học phần được phép thi sớm để giúp sinh viên học vượt.

b) Những học phần được công nhận kết quả, khi sinh viên chuyển từ trường khác đến hoặc chuyển đổi giữa các chương trình do Hiệu trưởng quyết định.

8. Điểm M được áp dụng cho các trường hợp sinh viên làm thủ tục và nhận được quyết định miễn thi do đã tích lũy được bằng các hình thức khác. Điểm M không được tính vào điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy.

### **Điều 7. Cách tính điểm trung bình chung**

1. Điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy

a) Điểm trung bình chung học kỳ là điểm trung bình có trọng số của các học phần mà sinh viên đăng ký học trong học kỳ đó, với trọng số là số tín chỉ tương ứng của từng học phần (bao gồm tất cả các học phần bị điểm F).

b) Điểm trung bình chung tích lũy là điểm trung bình của các học phần được đánh giá bằng các điểm chữ A, B, C, D mà sinh viên đã tích lũy được (không tính các học phần bị điểm F và học phần điều kiện).

2. Để tính điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy, mức điểm chữ của mỗi học phần phải được quy đổi qua điểm số như sau:

A tương ứng với 4

B tương ứng với 3

C tương ứng với 2

D tương ứng với 1

F tương ứng với 0

3. Điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy được tính theo công thức sau và được làm tròn đến 2 chữ số thập phân:

$$A = \frac{\sum_{i=1}^n a_i \times n_i}{\sum_{i=1}^n n_i}$$

Trong đó:

$A$  là điểm trung bình chung học kỳ hoặc điểm trung bình chung tích lũy

$a_i$  là điểm của học phần thứ  $i$

$n_i$  là số tín chỉ của học phần thứ  $i$

$n$  là tổng số học phần.

Điểm trung bình chung học kỳ hoặc năm học để xét học bổng, khen thưởng sau mỗi học kỳ hoặc năm học. Điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy để xét thôi học, xếp hạng học lực sinh viên và xếp hạng tốt nghiệp được tính

theo điểm thi kết thúc học phần cao nhất trong các lần thi (nếu sinh viên tham gia nhiều lần thi).

#### 4. Xếp hạng học lực

a) Sau mỗi học kỳ, căn cứ vào điểm trung bình chung tích lũy, sinh viên được xếp hạng về học lực như sau:

- Hạng bình thường: Nếu điểm trung bình chung tích lũy đạt từ 2,00 trở lên.

- Hạng yếu: Nếu điểm trung bình chung tích lũy đạt dưới 2,00, nhưng chưa rơi vào trường hợp bị buộc thôi học.

b) Xếp loại học tập học kỳ và năm học

- Loại xuất sắc: Điểm trung bình chung tích lũy từ 3,60 đến 4,00;

- Loại giỏi: Điểm trung bình chung tích lũy từ 3,20 đến 3,59;

- Loại khá: Điểm trung bình chung tích lũy từ 2,50 đến 3,19;

- Loại trung bình: Điểm trung bình chung tích lũy từ 2,00 đến 2,49.

#### **Điều 8. Đăng ký học lại và học cải thiện điểm**

1. Sinh viên có học phần bắt buộc bị điểm F phải đăng ký học lại học phần đó ở một trong các học kỳ tiếp theo cho đến khi đạt điểm A, B, C hoặc D.

2. Sinh viên có học phần tự chọn bị điểm F phải đăng ký học lại học phần đó hoặc học đổi sang học phần tự chọn tương đương khác.

3. Ngoài các trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 của Điều này, sinh viên được quyền đăng ký học lại hoặc học đổi sang học phần khác đối với các học phần bị điểm D để cải thiện điểm trung bình chung tích lũy.

### **Chương 3**

#### **TRÁCH NHIỆM CỦA SINH VIÊN**

##### **Điều 9. Làm thủ tục vào phòng thi**

1. Sinh viên phải có mặt tại phòng thi cách giờ thi ít nhất 30 phút.

2. Đảm bảo đồng phục hoặc trang phục đúng quy định của nhà trường.

3. Xuất trình thẻ sinh viên cho cán bộ coi thi trước khi vào phòng thi và khi được cán bộ coi thi yêu cầu.

4. Chỉ được mang vào phòng thi bút viết, bút chì, compa, tẩy, thước kẻ, thước tính, máy tính điện tử không có thẻ nhớ và không soạn thảo được văn bản, những vật dụng khác được quy định cụ thể cho từng học phần.

5. Không được mang vào khu vực thi và phòng thi giấy than, bút xóa, các tài liệu, vũ khí, chất gây nổ, gây cháy, bia, rượu, phương tiện kỹ thuật thu, phát, truyền tin, ghi

âm, ghi hình, thiết bị chứa đựng thông tin có thể lợi dụng để làm bài thi và các vật dụng khác.

#### **Điều 10. Những quy định cần tuân thủ khi vào phòng thi**

1. Trước khi làm bài thi, sinh viên phải ghi đầy đủ thông tin cần thiết vào giấy thi (bao gồm mã số đề thi nếu có).

2. Bài làm phải viết rõ ràng, sạch sẽ, không nhàu nát, không đánh dấu hoặc làm ký hiệu riêng. Nghiêm cấm làm bài bằng hai thứ mực, mực đỏ, bút chì (trừ hình vẽ, biểu đồ, đồ thị được dùng bằng bút chì) hoặc viết vẽ những nội dung không liên quan đến bài thi.. Các phần viết sai phải dùng thước gạch chéo, không dùng bút xoá.

Những bài thi được kết luận vi phạm các quy định trên sẽ không được chấm và bị hủy kết quả dự thi.

3. Sinh viên phải bảo vệ bài làm của mình, không được cho người khác xem bài đồng thời không được xem bài của người khác, không được trao đổi ý kiến, trao đổi tài liệu khi làm bài.

4. Phải giữ gìn trật tự, im lặng trong phòng thi. Nếu cần hỏi cán bộ coi thi điều gì phải hỏi công khai. Trường hợp ốm đau bất thường phải báo cáo để cán bộ coi thi xử lý.

5. Khi hết giờ thi, sinh viên phải ngừng làm bài, nộp bài theo yêu cầu và hướng dẫn của cán bộ coi thi. Không làm được bài, sinh viên cũng phải nộp giấy thi. Khi nộp bài, sinh viên phải tự ghi rõ số tờ giấy thi đã nộp và ký tên xác nhận vào bản danh sách theo dõi sinh viên.

6. Sinh viên chỉ được ra khỏi phòng thi và khu vực thi sau 2/3 thời gian làm bài và sau khi đã nộp bài làm, đề thi cho cán bộ coi thi, trừ trường hợp ốm đau cần cấp cứu do Trường ban coi thi quyết định.

7. Sinh viên có quyền làm đơn khiếu nại đối với những cán bộ coi thi không thực hiện đúng quy định.

### **Chương 4**

#### **HÌNH THỨC KỶ LUẬT ĐỐI VỚI SINH VIÊN**

##### **Điều 11. Khiển trách**

1. Đối với sinh viên vi phạm 1 lần các lỗi như: không mang theo thẻ sinh viên, không mặc đồng phục, trang phục đúng quy định, nhìn bài thi của bạn, trao đổi, thảo luận với bạn trong giờ làm bài.

2. Sinh viên bị khiển trách trong khi thi học phần nào sẽ bị trừ 25% điểm học phần đó.

3. Hình thức này do cán bộ coi thi quyết định tại biên bản được lập.



## **Điều 12. Cảnh cáo**

1. Đối với sinh viên đã bị khiển trách lần 1 nhưng vẫn tiếp tục vi phạm quy chế thi.
2. Trao đổi bài làm, giấy nháp với học sinh, sinh viên khác trong giờ thi.
3. Chép bài của người khác. Những bài thi đã có kết luận là giống nhau thì xử lý như nhau. Nếu người bị xử lý có đủ bằng chứng chứng minh mình bị quay cốp thì trường ban coi thi có thể xem xét giảm từ mức kỷ luật cảnh cáo xuống mức khiển trách.
4. Sinh viên bị cảnh cáo trong khi thi học phần nào sẽ bị trừ 50% điểm học phần đó.
5. Hình thức kỷ luật cảnh cáo do 2 cán bộ coi thi lập biên bản, thu tang vật và ghi rõ hình thức kỷ luật đã đề nghị trong biên bản. Trường hợp hai cán bộ coi thi không thống nhất về cách xử lý thì ghi rõ ý kiến hai bên vào biên bản để báo cáo trường ban coi thi quyết định.

## **Điều 13. Đình chỉ thi**

1. Đối với sinh viên đã bị cảnh cáo lần 1 nhưng vẫn tiếp tục vi phạm quy chế thi.
2. Sau khi bóc đề thi, cán bộ coi thi phát hiện sinh viên vẫn còn mang theo người vật dụng không được phép mang vào khu vực thi và phòng thi theo quy định tại khoản 5 Điều 9 của quy định này.
3. Đưa đề thi ra ngoài hoặc nhận bài giải, tài liệu từ ngoài vào phòng thi.
4. Sinh viên thi hộ hoặc nhờ thi hộ bị đình chỉ thi học phần đó và các học phần còn lại trong kỳ thi, đình chỉ học tập 1 năm đối với trường hợp vi phạm lần 1 và buộc thôi học nếu vi phạm lần 2.
5. Sinh viên vào phòng thi trong tình trạng say xỉn hoặc có chất kích thích, gây phiền khác.
6. Có hành động gây gổ, đe dọa cán bộ có trách nhiệm trong kỳ thi hay đe dọa sinh viên khác trong phòng thi.
7. Sinh viên bị đình chỉ thi sẽ bị điểm không (0) bài thi học phần đó và phải ra khỏi phòng thi ngay sau khi có quyết định đình chỉ.
8. Hình thức kỷ luật này do trường ban coi thi quyết định.

## **Điều 14. Các trường hợp vi phạm khác**

1. Đối với các trường hợp vi phạm khác, tùy tính chất và mức độ vi phạm, trường ban coi thi xử lý kỷ luật theo các hình thức đã quy định tại quy chế này.
2. Nhà trường sẽ kỷ luật những trường hợp vi phạm quy chế thi thông qua hệ thống camera giám sát trong và sau khi buổi thi kết thúc. Tất cả các hình ảnh và dữ

liệu mà hệ thống camera ghi nhận được là bằng chứng để đưa ra quyết định kỷ luật.

3. Việc xử lý kỷ luật thí sinh phải được công bố cho thí sinh biết.

## **Chương 5**

### **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**Điều 15.** Sinh viên chịu trách nhiệm thi hành đúng theo quy chế này.

**Điều 16.** Quy chế này được bổ sung, sửa đổi cho phù hợp theo từng giai đoạn phát triển của Trường.

**Điều 17.** Tất cả các trường hợp phát sinh khác liên quan đến công tác tổ chức kiểm tra và đánh giá học phần sẽ do Hiệu trưởng quyết định.

**HIỆU TRƯỞNG**

*(Đã ký)*

**Dương Đăng Khoa**